



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0814/2406

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã số mẫu: 240618005_KT01)

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VIỆT NAM
- Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY BIA QUẬN 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
- Địa chỉ : 170 Lê Văn Khương, P. Thới An, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
- Người lấy mẫu : Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Thanh Hùng
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
- Ngày lấy mẫu : 18/06/2024
- Thời gian phân tích : 18/06/2024 – 25/06/2024
- Kết quả thử nghiệm :

Vị trí đo	NH ₃ (mg/Nm ³)	H ₂ S (mg/Nm ³)	Metyl mercaptan [#] (mg/Nm ³)
KT01	10,2	1,32	KPH (MDL=0,05)
QCVN 19 :2009/BTNMT, Cột B (C _{max} = C x K _p x K _v)	≤ 30	≤ 4,5	-
QCVN 20: 2009/BTNMT	-	-	≤ 15
Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích	JIS K 0099:2020	JIS K 0108:2010	CEN/TS 13649:2014

Ghi chú:

- (#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ (Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn môi trường Hải Âu – Vimcerts 117)
 - QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về khí thải Công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
C_{max}: nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³).
C: nồng độ bụi và các chất vô cơ qui định ở mục 2.2 QCVN 19:2009/BTNMT
K_V=0,6: hệ số vùng, đô thị đặc biệt;
K_P=1: hệ số lưu lượng nguồn thải P ≤ 20.000 m³/h.
 - QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- Ký hiệu vị trí lấy mẫu:
- KT01: Khí thải từ hệ thống xử lý mùi tại hệ thống xử lý nước thải (Kinh độ: 106°39'13.4'', Vĩ độ: 10°52'11.1'')

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HẢI HÒA



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

QUẬN 12, TP. HỒ CHÍ MINH

THS. PHAN THANH QUÍ

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBHT: 02/05/2019

Trang: 1/1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0813/2406

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VIỆT NAM
2. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY BIA QUẬN 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
3. Địa chỉ : 170 Lê Văn Khương, P. Thới An, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
4. Người lấy mẫu : Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Thanh Hùng
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
6. Ngày lấy mẫu : 18/06/2024
7. Thời gian phân tích : 18/06/2024 – 25/06/2024
8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 5/5

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HÀI HÒA



TRƯỞNG GIÁM ĐỐC

ThS. PHAN THANH QUÍ

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại NBH: 02/05/2019
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

Trang: 1/5



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0813/2406

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC NGẦM

(Mã số mẫu: 240618005_NN01-02)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 09: 2023/ BTNMT	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NN01	NN02		
1	pH	-	6,95	6,91	5,8 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ cứng (tính theo CaCO_3) [*]	mg/L	16	29	500	SMEWW 2340C:2023
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	132	192	1.500	HD.TN.231
4	Chỉ số pemanganat [*]	mg/L	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	4	TCVN 6186:1996
5	Amoni (N-NH_4^+) [*]	mg/L	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	1	SMEWW 4500- NH_3 .B&F:2023
6	Sunphat (SO_4^{2-})	mg/L	KPH (MDL=4,0)	< 12,0	400	SMEWW 4500- SO_4^{2-} .E:2023
7	Clorua (Cl^-) [*]	mg/L	33	55	250	TCVN 6194:1996
8	Florua (F^-) [*]	mg/L	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	1	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023
9	Nitrit (N-NO_2^-) [*]	mg/L	KPH (MDL=0,004)	KPH (MDL=0,004)	1	SMEWW 4500- NO_2^- .B:2023
10	Nitrat (N-NO_3^-) [*]	mg/L	2,86	5,55	15	SMEWW 4500- NO_3^- .E:2023
11	Xyanua (CN^-)	mg/L	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	0,01	SMEWW 4500- CN^- .C&E:2023
12	Phenol [#]	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,001	SMEWW 6420:2023
13	Asen (As) [*]	mg/L	KPH (MDL=0,0023)	KPH (MDL=0,0023)	0,05	SMEWW 3113B:2023
14	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	0,005	SMEWW 3113B:2023
15	Chì (Pb)	mg/L	KPH (MDL=0,0023)	KPH (MDL=0,0023)	0,01	SMEWW 3113B:2023
16	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	KPH (MDL=0,004)	KPH (MDL=0,004)	-	SMEWW 3500- Cr:2023
17	Đồng (Cu) [*]	mg/L	KPH (MDL=0,067)	KPH (MDL=0,067)	1	SMEWW 3111B:2023
18	Kẽm (Zn) [*]	mg/L	KPH (MDL=0,036)	KPH (MDL=0,036)	3	SMEWW 3111B:2023
19	Mangan (Mn) [*]	mg/L	KPH (MDL=0,078)	KPH (MDL=0,078)	0,5	SMEWW 3111B:2023

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 2/5

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0813/2406

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2024

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 09: 2023/ BTNMT	Phương pháp đo đặc, phân tích
			NN01	NN02		
20	Niken (Ni)	mg/L	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	0,02	SMEWW 3113B:2023
21	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,003)	0,001	TCVN 7877:2008
22	Sắt (Fe) *	mg/L	KPH (MDL=0,09)	KPH (MDL=0,09)	5	SMEWW 3500- Fe.B:2023
23	Selen (Se)	mg/L	KPH (MDL=0,007)	KPH (MDL=0,007)	0,01	SMEWW 3114C:2023
24	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	3	SMEWW 9221B:2023
25	E. Coli	MPN/ 100mL	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	Không phát hiện	SMEWW 9221F:2023

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- (#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ (Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn môi trường Hải Âu – Vimcerts 117)
- QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Nước ngầm TCVN 6663-11:2011 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018
- ☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NN01: Nước ngầm tại giếng khoan số 4 (Kinh độ: 106°39'6.3'', Vĩ độ: 10°52'4.0'') – Nước trong, không cạn
- NN02: Nước ngầm tại giếng khoan số 5 (Kinh độ: 106°39'2.1'', Vĩ độ: 10°52'10.8'') – Nước trong, không cạn

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 3/5



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0813/2406

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC NGẦM

(Mã số mẫu: 240618005_NN03-05)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 09: 2023/ BTNMT	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NN03	NN04	NN05		
1	pH	-	6,99	6,92	6,95	5,8 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) [*]	mg/L	18	17	65	500	SMEWW 2340C:2023
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	118	171	264	1.500	HD.TN.231
4	Chỉ số pemanganat [*]	mg/L	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	4	TCVN 6186:1996
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺) [*]	mg/L	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	1,0	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
6	Sunphat (SO ₄ ²⁻) [*]	mg/L	KPH (MDL=4,0)	KPH (MDL=4,0)	KPH (MDL=4,0)	400	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023
7	Clorua (Cl ⁻) [*]	mg/L	27	48	65	250	TCVN 6194:1996
8	Florua (F ⁻) [*]	mg/L	0,31	KPH (MDL=0,05)	0,28	1,0	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023
9	Nitrit (N-NO ₂ ⁻)	mg/L	KPH (MDL=0,004)	KPH (MDL=0,004)	KPH (MDL=0,004)	1,0	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2023
10	Nitrat (N-NO ₃ ⁻) [*]	mg/L	2,63	4,15	3,96	15	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023
11	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	0,01	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023
12	Phenol [#]	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,001	SMEWW 6420:2023
13	Asen (As) [*]	mg/L	KPH (MDL=0,0023)	KPH (MDL=0,0023)	KPH (MDL=0,0023)	0,05	SMEWW 3113B:2023
14	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	0,005	SMEWW 3113B:2023
15	Chì (Pb)	mg/L	KPH (MDL=0,0023)	KPH (MDL=0,0023)	KPH (MDL=0,0023)	0,01	SMEWW 3113B:2023
16	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH (MDL=0,004)	KPH (MDL=0,004)	KPH (MDL=0,004)	0,05	SMEWW 3500-Cr:2023
17	Đồng (Cu) [*]	mg/L	KPH (MDL=0,067)	KPH (MDL=0,067)	KPH (MDL=0,067)	1,0	SMEWW 3111B:2023
18	Kẽm (Zn) [*]	mg/L	KPH	KPH	KPH	3,0	SMEWW

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 4/5

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0813/2406

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2024

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 09: 2023/ BTNMT	Phương pháp đo đặc, phân tích
			NN03	NN04	NN05		
			(MDL=0,036)	(MDL=0,036)	(MDL=0,036)		3111B:2023
19	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (MDL=0,078)	KPH (MDL=0,078)	KPH (MDL=0,078)	0,5	SMEWW 3111B:2023
20	Niken (Ni)	mg/L	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	0,02	SMEWW 3113B:2023
21	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,001	TCVN 7877:2008
22	Sắt (Fe) *	mg/L	KPH (MDL=0,09)	KPH (MDL=0,09)	KPH (MDL=0,09)	5	SMEWW 3500- Fe.B:2023
23	Selen (Se)	mg/L	KPH (MDL=0,007)	KPH (MDL=0,007)	KPH (MDL=0,007)	0,01	SMEWW 3114C:2023
24	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	3	SMEWW 9221B:2023
25	E. Coli	MPN/ 100mL	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	Không phát hiện	SMEWW 9221F:2023

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- (#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ (Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn môi trường Hải Âu - Vimcerts 117)
- QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Nước ngầm TCVN 6663-11:2011 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018
- ☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NN03: Nước ngầm tại giếng khoan số 6 (Kinh độ: 106°39'0.0'', Vĩ độ: 10°52'10.2'') – Nước trong, không cạn
- NN04: Nước ngầm tại giếng khoan số 10 (Kinh độ: 106°39'15.2'', Vĩ độ: 10°52'10.8'') – Nước trong, không cạn
- NN05: Nước ngầm tại giếng khoan số 11 (Kinh độ: 106°39'15.4'', Vĩ độ: 10°52'6.6'') – Nước trong, không cạn

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 5/5



CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0812/2406

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VIỆT NAM
- Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY BIA QUẬN 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
- Địa chỉ : 170 Lê Văn Khương, P. Thới An, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
- Người lấy mẫu : Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Thanh Hùng
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
- Ngày lấy mẫu : 18/06/2024
- Thời gian phân tích : 18/06/2024 – 25/06/2024
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 3/3

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HẢI HÒA



CHỖ GIÁM ĐỐC

ThS. PHAN THANH QUÍ

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Dầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 1/3



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0812/2406

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH BÙN THẢI

(Mã số mẫu: 240618005_BT01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT, hàm lượng tuyệt đối	Phương pháp đo đạc, phân tích
			BT01		
1	pH	-	6,55	Trong khoảng 2,0 - 12,5	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
2	Asen (As)	ppm	KPH (MDL=0,28)	10,9	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010
3	Bari (Ba)	ppm	KPH (MDL=130)	546,5	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
4	Cadimi (Cd)	ppm	KPH (MDL=0,24)	2,74	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010
5	Bạc (Ag)	ppm	KPH (MDL=7,4)	27,3	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
6	Chì (Pb)	ppm	KPH (MDL=43,3)	82,0	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
7	Coban (Co)	ppm	KPH (MDL=6,6)	437,2	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
8	Kẽm (Zn)	ppm	380,4	1.366	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
9	Niken (Ni)	ppm	KPH (MDL=42)	382,6	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
10	Selen (Se)	ppm	KPH (MDL=0,55)	5,47	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010
11	Thủy ngân (Hg)	ppm	KPH (MDL=0,05)	1,09	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7470 A
12	Crom VI (Cr ⁶⁺)	ppm	KPH (MDL=6)	27,3	US EPA Method 3060 A + US EPA Method 7196 A
13	Tổng Xianua (CN ⁻)	ppm	KPH (MDL=2,8)	161,2	US EPA Method 9010 C + US EPA Method 9013 A + US EPA Method 9014
14	Tổng dầu	ppm	KPH (MDL=23)	273,3	US EPA Method 9071 B
15	Phenol [#]	ppm	KPH (MDL=0,04)	5.465	US EPA Method 3550C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270E
16	Benzen [#]	ppm	KPH (MDL=0,002)	2,73	US EPA Method 5035 US EPA Method 3620C US EPA Method 8260D

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**

LBH/SX: **03/01**

NBH: **02/05/2019**

Trang: **2/3**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0812/2406

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2024

Ghi chú:

- (#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ (Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Môi trường Đại Âu – Vimcerts 117)
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

Giá trị hàm lượng tuyệt đối (H_{tc} , ppm) được tính bằng công thức sau

$$H_{tc} = \frac{H \times (1 + 19 \times T)}{20}$$

Trong đó:

H (ppm) là giá trị hàm lượng tuyệt đối cơ sở được quy định trong bảng 1

T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu bùn thải trên tổng khối lượng mẫu bùn thải, ứng với $T = 0,235$

- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

☒ Bùn TCVN 6663-13 : 2015

☒ Bảo quản xử lý mẫu bùn TCVN 6663-15 : 2004

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- BT01: Bùn thải sau hệ thống xử lý nước thải ($X=1202130$ m, $Y=598607$ m, theo tọa độ VN 2000)

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**

LBH/SX: **03/01**

NBH: **02/05/2019**

Trang: **3/3**